

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh phương án đơn giản hóa về cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Ngoại vụ thành phố Huế**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ thành phố Huế tại Tờ trình số 1442/TTr-SNgV ngày 08 tháng 6 năm 2026,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phụ lục phương án đơn giản hóa về cắt giảm thời gian giải quyết đối với 04 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ thành phố Huế.

**Điều 2.** Giao Sở Ngoại vụ căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung về thời gian giải quyết; phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Ngoại vụ theo quy định.

Thời hạn hoàn thành trước ngày 12 tháng 6 năm 2026.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa, cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Ngoại vụ thành phố Huế.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Ngoại vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- TT PVHCC, Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, KSTH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Mạnh**

**PHU LỤC**  
**ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA VỀ CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC**  
**HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NGOẠI VỤ**  
*(Kèm theo Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)*

**Nguyên tắc cắt giảm:** Giữ nguyên thời gian lấy ý kiến phối hợp liên ngành (15 ngày). Cắt giảm 50% thời gian xử lý nội bộ thực tế của các cơ quan tại địa phương (Sở Ngoại vụ cắt giảm từ 10 ngày xuống còn 05 ngày; UBND thành phố cắt giảm từ 05 ngày xuống còn 2,5 ngày).

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định chuẩn (QĐ 2041)	Thời gian cắt giảm nội bộ địa phương	Tổng thời gian giải quyết áp dụng mới
1	2.002311	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	40 ngày	Cắt giảm 7,5 ngày (Sở Ngoại vụ giảm 5 ngày; UBND thành phố giảm 2,5 ngày)	<b>32,5 ngày</b> (Sở Ngoại vụ: 5 ngày; UBND thành phố: 2,5 ngày; Lấy ý kiến: 15 ngày, Văn Phòng Chính phủ: ít nhất 10 ngày)
2	2.002312	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	30 ngày	Cắt giảm 7,5 ngày (Sở Ngoại vụ giảm 5; UBND thành phố giảm 2,5 ngày)	<b>22,5 ngày</b> (Sở Ngoại vụ: 5 ngày; UBND thành phố: 2,5 ngày; Lấy ý kiến: 15 ngày)
3	2.002313	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc	40 ngày	Cắt giảm 7,5 ngày (Sở Ngoại vụ giảm 5 ngày;	<b>32,5 ngày</b> (Sở Ngoại vụ: 5 ngày; UBND thành phố: 2,5 ngày;

<b>STT</b>	<b>Mã TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời gian theo quy định chuẩn (QĐ 2041)</b>	<b>Thời gian cắt giảm nội bộ địa phương</b>	<b>Tổng thời gian giải quyết áp dụng mới</b>
		thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ		<i>UBND thành phố giảm 2,5 ngày)</i>	<i>Lấy ý kiến: 15 ngày, Văn Phòng Chính phủ: ít nhất 10 ngày)</i>
<b>4</b>	2.002314	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	30 ngày	Cắt giảm 7,5 ngày ( <i>Sở Ngoại vụ giảm 5 ngày; UBND thành phố giảm 2,5 ngày)</i>	<b>22,5 ngày</b> ( <i>Sở Ngoại vụ: 5 ngày; UBND thành phố: 2,5 ngày; Lấy ý kiến: 15 ngày)</i>
		<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>140 ngày</b>	<b>Cắt giảm 30 ngày</b>	<b>110 ngày</b>